UBND THÀNH PHỐ VINH

**TRƯỜNG** **TIỂU HỌC NGHI KIM**

**KẾ HOẠCH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG**

**NĂM HỌC 2024 - 2025**

**THÀNH PHỐ VINH – NĂM 2024**

UBND THÀNH PHỐ VINH

**TRƯỜNG TH NGHI KIM**

**KẾ HOẠCH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**THÀNH VIÊN TỔ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
| 1 | Nguyễn Huy Hoa | BTCB, Hiệu trưởng | Tổ trưởng |  |
| 2 | Hà Lệ Phương | PBTCB, Phó hiệu trưởng | Tổ phó |  |
| 3 | Lê Thị Bích Thuận | Phó hiệu trưởng | Tổ phó |  |
| 4 | Đinh Thị Nguyệt | Thư kí HĐ trường | Thư ký |  |
| 5 | Nguyễn Thị Liên | Tổ trưởng tổ CM 4,5 | Uỷ viên |  |
| 6 | Nguyễn Thị Hà An | Tổ trưởng tổ CM 2,3 | Uỷ viên |  |
| 7 | Đặng Thúy Nga | Tổ trưởng Tổ CM 1 | Uỷ viên |  |
| 8 | GV chủ nhiệm 36 lớp |  |  |  |

**THÀNH PHỐ VINH – NĂM 2024**

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN TP VINH  **TRƯỜNG TIỂU HỌC NGHI KIM**  Số: /KH-THNK | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *Nghi Kim, ngày 10 tháng 10 năm 2024* |

**KẾ HOẠCH**

**Đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2024 - 2025**

**I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

**1. Mục đích**

Kế hoạch ĐBCL năm học 2024 - 2025 giúp Hiệu trưởng nhà trường tổ chức huy động các nguồn lực *(nhân lực, tài lực, vật lực,..vv*) để thực hiện một cách có hệ thống các nhiệm vụ trong năm học, với mục tiêu, cách thức, trình tự, thời gian tiến hành nhằm ĐBCL giáo dục bền vững và tăng trưởng, góp phần xây dựng văn hóa chất lượng của nhà trường.

**2. Yêu cầu**

- Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, đồng thuận, thân thiện; phát huy hiệu quả năng lực trách nhiệm của đội ngũ CB, GV, NV; phối hợp các lực lượng giáo dục trên địa bàn; khai thác tối đa CSVC, trang thiết bị dạy học, giáo dục; bổ sung các nguồn lực đầu tư để ĐBCL bền vững và tăng trưởng.

- Kế hoạch thực hiện đảm bảo hiệu quả, thiết thực phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương.

- Xác định rõ trách nhiệm, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch; đảm bảo đầy đủ nguồn lực để thực hiện Kế hoạch đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả và khả thi.

**3. Căn cứ xây dựng kế hoạch**

- Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 19/11/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về **“**Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 ”;

- Căn cứ Kế hoạch số 683/KH-UBND ngày 06/10/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về thực hiện công tác đảm bảo chất lượng trong các cơ sở giáo dục phổ thông giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Căn cứ Kế hoạch số 244/KH-UBND ngày 07/11/2022 của UBND thành phố Vinh về việc thực hiện công tác đảm bảo chất lượng (ĐBCL) trong các cơ sở giáo dục phổ thông giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Vinh;

- Căn cứ công văn 856/PGDĐT ngày 07/11/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo TP Vinh về việc hướng dẫn thực hiện Kế hoạch ĐBCL trong các cơ sở giáo dục phổ thông giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Vinh.

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ TP Vinh, khóa 14, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Nghi Kim khóa 12, nhiệm kỳ 2020-2025;

**II. ĐẢM BẢO CÁC YẾU TỐ BỐI CẢNH**

1. **Phân tích tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, địa phương**

Xã Nghi Kim là đơn vị đóng trên địa bàn ngoại thành Thành phố Vinh. Mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, song với sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sâu sát của Đảng ủy, UBND, HĐND xã, cùng với tinh thần trách nhiệm cao của các cấp, các ngành, sự đồng lòng, quyết tâm của Nhân dân, tình hình kinh tế - xã hội của Xã trong thời gian qua đạt nhiều kết quả quan trọng.

Trong năm qua tuy vẫn còn ảnh hưởng của dịch bệnh nhưng kinh tế của xã vẫn duy trì tốt và có sự tăng tưởng khá cao. Giá cả của một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu trên địa bàn xã tương đối ổn định. Thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn không có diễn biến bất thường, nguồn cung các mặt hàng thiết yếu đáp ứng đầy đủ và không bị khan hiếm về số lượng, không tăng giá đột biến.

Phối hợp chặt chẽ với lãnh đạo chính quyền các cấp để thông báo, tuyên truyền, phổ biến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, phong tục tập quán, xu hướng phát triển nghề nghiệp của địa phương và trong cả nước nhằm giáo dục phẩm chất đạo đức, luyện rèn năng lực sống, học tập và làm việc cho học sinh, thông qua:

- Hoạt động giáo dục của địa phương;

- Hoạt động trải nghiệm ở địa phương; Tổ chức cho học sinh tìm hiểu truyền thống nhân dân thành phố Vinh.

- Thực hiện ở các môn học như: TX-XH, Lịch sử, Địa lý, Đạo đức, HĐTN.

- Chào cờ, sinh hoạt đầu tuần;

- Các phương tiện truyền thông, thông tin.

**2. Xây dựng chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với bối cảnh địa phương**

Có tính dân chủ, tính tập thể cho học sinh thông qua nội quy, quy chế cơ quan, quy chế thực hiện dân chủ cơ sở và việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân, của người dạy và người học.

Đối với Giáo dục và Đào tạo Tập trung chỉ đạo thực hiện xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất chuẩn bị triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới. Chất lượng giáo dục toàn diện ổn định; giáo dục mũi nhọn đạt thành tích tương đối cao, Kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở được củng cố và giữ vững. Tập trung xây dựng các kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ để triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với các khối lớp.

**3. Xây dựng văn hóa nhà trường**

Xây dựng môi trường làm việc, học tập theo hướng thân thiện, gần gũi, hiệu quả, đổi mới phân cấp mạnh mẽ, đồng thời gắn với việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cao cho tổ chuyên môn, cho GV trong việc ĐBCL dạy học một cách phù hợp. Xây dựng phong trào thầy và trò tích cực thi đua “Dạy tốt và Học tốt” trong nhà trường một cách thiết thực, hiệu quả. Phấn đấu xây dựng văn hóa chất lượng trong nhà trường.

Xây dựng văn hóa nhà trường nhằm tạo nên một môi trường văn hóa lành mạnh, an toàn góp phần xây dựng một môi trường giáo dục chuẩn mực theo quy định, bao gồm:

- Xây dựng, thực hiện hiệu quả Bộ nội quy, quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường.

- Thực hiện tốt Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở.

Để thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, nhà trường cần xây dựng, hoàn thiện bộ quy chế nội bộ (*quy chế làm việc; quy chế thực hiện dân chủ cơ sở; quy chế phối hợp giữa CM và CĐ; quy chế thi đua khen thưởng; quy chế chi tiêu nội bộ; vv)* của đơn vị.

- Tổ chức xây dựng, tuyên dương và nhân rộng các tấm gương, mô hình tiên tiến; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm nội quy, quy tắc ứng xử văn hóa của nhà trường để định hướng, điều chỉnh quá trình xây dựng và phát triển mô hình văn hóa của nhà trường.

- Định kỳ trao đổi tổng kết kinh nghiệm về xây dựng mô hình văn hóa nhà trường; hướng dẫn hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành viên trong nhà trường và giữa các trường với nhau để học tập những mô hình tốt, bổ sung hoàn thiện những tiêu chuẩn, tiêu chí một cách cụ thể, nhằm ngày càng hoàn thiện hơn mô hình văn hóa nhà trường.

Xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**4. Sử dụng hợp lí, hiệu quả nguồn kinh phí hằng năm**

Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo tính minh bạch và dân chủ; xây dựng kế hoạch phân bổ nguồn kinh phí hằng năm cho các hoạt động đảm bảo hợp lý, hiệu quả, thông qua Hội nghị viên chức đơn vị. Bố trí kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cần thiết, đồng thời đảm bảo nguồn kinh phí hợp lý cho hoạt động chuyên môn, dạy và học.

Nhà trường xây dựng kế hoạch kinh phí hàng năm để phục vụ Kế hoạch ĐBCL bảo đảm phù hợp với điều kiện, yêu cầu thực tiễn của nhà trường và tính khả thi.

**5. Phát huy cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong nhà trường, địa phương trong giáo dục thiếu niên, nhi đồng**

Tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cho GV và học sinh nhằm góp phần tạo môi trường tích cực cho những hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp nhằm hình thành năng lực, phẩm chất người học

Các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội xây dựng kế hoạch, chương trình công tác, chương trình phối hợp với địa phương nhằm chăm lo, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp cho GV, học sinh trong việc:

- Động viên, thăm hỏi, hỗ trợ các GV, học sinh có hoàn cảnh khó khăn;

- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa;

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, nói chuyện chuyên đề, giáo dục về các chính sách, pháp luật, giới tính, sức khỏe sinh sản,...

- Tổ chức các hội thi về kiến thức, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cho GV và học sinh.

**6. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục**

Tuyên truyền, vận động về chủ trương xã hội hóa giáo dục, huy động nguồn lực để tạo sự chuyển biến tích cực của các cấp, các ngành và nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân về ý nghĩa tầm quan trọng của việc đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, xây dựng trường chuẩn quốc gia để nâng cao chất lượng giáo dục.

Tôn trọng và thu hút được gia đình, cộng đồng địa phương tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường bằng hình thức vận động sự ủng hộ về chủ trương huy động nguồn lực, xã hội hóa giáo dục, thông qua:

- Các cuộc làm việc với cấp ủy, chính quyền địa phương;

- Các phương tiện thông tin, truyền thông;

- Các cuộc họp phụ huynh lớp, trường; các cựu học sinh trường.

**III. ĐẢM BẢO CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO**

1. **Xây dựng chiến lược ĐBCL giáo dục của nhà trường**

**1.1. Phân tích các yếu tố bên trong và bên ngoài của nhà trường:**

**\* Yếu tố bên trong: (Đặc điểm của nhà trường năm học 2024 – 2025)**

**Học sinh:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Toàn trường** | **Tổng số** | **Trong đó** | | | | | **Ghi chú** |
| **Khối 1** | **Khối 2** | **Khối 3** | **Khối 4** | **Khối 5** |
| Số lớp | 36 | 7 | 8 | 7 | 7 | 7 |  |
| Số học sinh | 1.367 | 277 | 288 | 256 | 271 | 275 |  |
| *Trong đó:* |  |  |  |  |  |  |  |
| *- Nữ* | 665 | 140 | 144 | 124 | 125 | 132 |  |
| *- Khuyết tật* | 9 | 1 | 2 | 0 | 1 | 5 |  |
| *- Chính sách* | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| *- Hộ nghèo* | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 |  |
| *- Cận nghèo* | 22 | 4 | 4 | 4 | 4 | 6 |  |
| *- Mồ côi* | 21 | 4 | 4 | 4 | 5 | 4 |  |
| *- Lưu ban* | 5 | 3 | 1 | 1 | 0 | 0 |  |
| *- Mới tuyển* | 274 | 274 |  |  |  |  |  |

*\* Chất lượng: Theo đánh giá cuối năm học 2023 - 2024*

- Công tác huy động số lượng và PCGDTH ĐĐT

- Huy động số trẻ 6 tuổi vào lớp 1: 100 %

- PCGDTH: đạt mức độ 3

- Chất lượng văn hoá giáo dục:

**a) Chất lượng mũi nhọn:**

+ Đấu trường toán học: 23 em đạt giải cấp Tỉnh. Trong đó; 02 giải vàng, 02 giải bạc, 08 giải đồng, 11 giải khuyến khích.

+ Trạng nguyên Tiếng Việt: 39 em đạt giải cấp tỉnh. Trong đó: Giải nhất: 15 em, Giải nhì : 13 em, Giải ba: 06 em, Giải KK: 05 em

+ Tham gia thi Tiếng Anh TOEFL PRIMARY: 52 em : 32 em đạt giải A1, 17 em đạt giải A2, 03 em đạt giải B1; 02 em đậu vào trường THCS Đặng Thai Mai

+ Trạng nguyên toàn tài: 60 em đạt giải. Trong đó hạng vàng: 23 em, hạng bạc: 27 em, hạng đồng: 10 em

**b) Chất lượng đại trà:**

**\* Kết quả cụ thể: Xếp loại về học tập:**

- Hoàn thành xuất sắc: 396/1376 tỉ lệ 28,7%

- Hoàn thành tốt: 342/1376, tỉ lệ 24,8 %

- Hoàn thành: 629/1376 tỉ lệ 45,12%

- Chưa hoàn thành: 19/1376 tỉ lệ 1,38%

*(Số HS KT của trường: 6 em)*

**\* Xếp loại về năng lực phẩm chất:**

- Tốt**:** 1135/1376 tỉ lệ 82,4%

- Đạt: 241/1376 tỉ lệ 17,6%

- Chưa đạt: 0 tỉ lệ 0%.

- Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học: 338/338 tỷ lệ 100%

**\* HS Khen thưởng:**

- Học sinh hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện : 387/1376 tỉ lệ 28 % .

- Học sinh tiêu biểu hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập và rèn luyện : 478/1376 tỉ lệ 34,7 % .

- Học sinh có tiến bộ trong năm học: 5/1376 tỉ lệ 0,36 %

- 1 em đạt giải đồng toán Timo

- Hội khỏe Phù Đổng cấp Thành phố: 1 giải nhì, 3 giải ba.

- Cuộc thi ngày hội stems cấp Thành phố: 1 giải nhất thiết kế sáng tạo và giải 3 rôbốt.

**\* Thành tích GV:**

-Số GV giỏi các cấp:

+ GVDG giỏi cấp Thành phố: 6 đ/c.

+ GV dạy giỏi cấp trường: 11 đ/c.

+ GV đạt sáng kiến kinh nghiệm cấp Thành phố: 7 đ/c.

**Đội ngũ CBQL&GV:**

Đội ngũ CBQL của trường có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn vững vàng, năng động, sáng tạo, làm việc khoa học, hiệu quả và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Đội ngũ giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm cao, năng lực chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, tạo được uy tín trong nhân dân.

Cụ thể :

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chức danh** | **Tổng số** | **Nữ** | **Trình độ đào tạo** | | | **Chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp GV** | | |
| **Chưa đạt** | **Đạt chuẩn** | **Trên chuẩn** | **Đạt** | **Khá** | **Tốt** |
| Hiệu trưởng | 1 | 0 |  | 1 |  |  |  | 1 |
| Phó HT | 2 | 2 |  | 2 |  |  |  | 2 |
| Giáo viên | 50 | 47 |  | 50 | 1 |  | 9 | 32 |
| Nhân viên | 3 | 3 |  | 3 |  |  | 3 |  |
| **Cộng** | **56** | **52** |  | **56** | **1** |  | **12** | **35** |
| Cán bộ quản lý cốt cán |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Giáo viên cốt cán |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Giáo viên dạy giỏi cấp TP | 6 | 6 |  | 6 | 1 |  |  | 8 |
| Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh |  |  |  |  |  |  |  |  |

*\* Đánh giá xếp loại cán bộ, giáo viên cuối năm*

Cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên đều đạt chuẩn nghiệp vụ sư phạm, trong đó: Đạt chuẩn = 100%; 100% CBGV, NV đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác trong giai đoạn mới.

Trường có 56 đ/c cán bộ giáo viên, nhân viên và 2 đ/c giáo viên hợp đồng, trong đó có 03 đ/c CBQL, 03 nhân viên, 01 TPTĐ, 47 đ/c giáo viên, tỷ lệ 1,38 giáo viên/lớp.

Trình độ đào tạo:

Trình độ ĐH: 55/56 đ/c đạt tỷ lệ 98,2%

          Trình độ Trung cấp: 01/56 đ/c đạt tỷ lệ 0,17% (Nhân viên y tế)

Đảng viên có 35 đ/c chiếm tỷ lệ 62,5%.

- Danh hiệu thi đua: LĐTT: 56 đ/c, CSTĐ: 12 đ/c

\* Đánh giá chung về tập thể:

- Chi bộ Hoàn thành Tốt nhiệm vụ.

- Trường đạt tập thể LĐTT

- Công đoàn đạt xuất sắc

- Liên đội đạt vững mạnh xuất sắc.

***\* Cơ sở vật chất,*** ***tài chính:***

Trường có CSVC khang trang, các phòng học với trang thiết bị dạy học khá đầy đủ: mỗi phòng học có 1 ti vi được kết nối mạng internet, 1 bộ ĐD dạy học thiết yếu). Khuôn viên, sân chơi, bãi tập nhà trường đảm bảo rộng rãi, sạch, đẹp, an toàn, thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục. Phòng học bộ môn, phòng làm việc có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho dạy và học đủ theo quy định của trường chuẩn QG mức độ 1. Bàn ghế, các biểu bảng của các lớp đúng quy cách theo Điều lệ Trường Tiểu học. Cụ thể:

Diện tích khuôn viên: 7200m2***.*** Trong đó: Diện tích sân chơi: 3867m2

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - 36 phòng học học VH  - 1 phòng Mỹ thuật, âm nhạc  - 01 Văn phòng  - 01 Phòng Hiệu trưởng  - 01 Phòng P. Hiệu trưởng  - 01 Phòng Truyền thống |  | - 1 Phòng Đội  - 01 Phòng Y tế học đường  - 01 Phòng học ngoại ngữ  - 01 Phòng Thư viện, thiết bị  - 01 phòng Stem  - 01 phòng tin học |

*(Phụ lục 1)*

**\* Yếu tố bên ngoài:**

Trường TH Nghi Kim đóng trên địa bàn xã Nghi Kim - một xã vùng ngoại thành của Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, có diện tích tự nhiên gần 7200m2. Đời sống nhân dân cơ bản ổn định, thu nhập bằng nghề sản xuất nông nghiệp là chủ yếu. Kinh tế địa phương tiếp tục tăng trưởng và phát triển; văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, chính trị ổn định, quốc phòng - an ninh được giữ vững, đời sống nhân dân ngày càng được nâng lên.

Với vị thế chính trị đặc biệt, Nghi Kim luôn nhận được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp trong cả nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tăng cường CSVC các trường học, góp phần sớm đưa Nghi Kim trở thành xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân quan tâm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục của xã nhà, giữ gìn và phát huy tốt truyền thống hiếu học.

Khoa học công nghệ ngày càng phát triển nhanh, mạnh và được vận dụng khá rộng rãi trong cuộc sống hàng ngày đem lại hiệu quả thiết thực cho giáo viên và học sinh đặc biệt là nhu cầu cho việc học tập của học sinh đòi hỏi đáp ứng ngày càng cao và mở rộng ra trên các lĩnh vực nên chủ trương đổi mới GD&ĐT của Đảng và Nhà nước là rất phù hợp với xu thế phát triển hiện nay.

Có đầy đủ hệ thống văn bản pháp quy về GDPT nói chung và GDTH nói riêng tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện đổi mới CTGDPT.

\* **Điểm mạnh:**

- Phòng Giáo dục, Đảng ủy, chính quyền xã Nghi Kim và phụ huynh luôn quan tâm đến phong trào dạy học và giáo dục.

- Ban giám hiệu nhà trường chủ động lập kế hoạch sát với điều kiện thực tế của nhà trường; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đi đầu trong công việc, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

- Đội ngũ giáo viên đoàn kết, nhiệt tình có tinh thần trách nhiệm cao, yêu nghề, gần gũi thương yêu học sinh và có trình độ chuyên môn tương đối đồng đều được phân công phù hợp với năng lực, có giáo viên dạy các môn năng khiếu và tự chọn tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Chất lượng đại trà tương đối ổn định tạo động lực cho nhà trường trong năm học mới.

- Đa số học sinh ngoan ngoãn, chăm học, có ý thức vươn lên trong học tập và rèn luyện.

- Hầu hết phụ huynh quan tâm đến việc học tập của con cái thực hiện đầy đủ chủ trương của nhà trường. Đây là điều kiện để nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm học.

**\* Điểm yếu:**

- Một số giáo viên thiếu tích cực sáng tạo trong đổi mới phương pháp dạy học, chưa mạnh dạn trong việc thực hiện tự chủ linh hoạt trong việc tiếp cận, sử dụng phương tiện dạy học hiện đại.

- Trang thiết bị dạy học hiện đại còn hạn chế, cơ sở vật chất chưa đáp ứng được yêu cầu dạy học và giáo dục theo hướng tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

- Phòng học thiếu nên nhà trường phải tổ chức học luân phiên mỗi khối nghỉ một ngày trong tuần.

- Một số phụ huynh là giáo dân chưa quan tâm đến việc học của con cái.

**1.2. Xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi và mục tiêu của chương trình giáo dục nhà trường**

***Thời cơ:***

- Đảng và nhà nước coi giáo dục là quốc sách hàng đầu và có nhiều chính sách ưu tiên phát triển giáo dục.

- Trường luôn nhận được sự quan tâm giúp đỡ chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy, chính quyền địa phương, đặc biệt là của UBND xã và PGD & ĐT TP Vinh.

- Yêu cầu về chất lượng giáo dục của học sinh và phụ huynh ngày càng cao. Phụ huynh học sinh đã quan tâm đến việc học tập của con em và tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho con em được học tập.

- Trong những năm học gần đây các tổ chức xã hội, các đoàn thể và cá nhân đã tham gia tích cực vào công tác huy động các nguồn lực tạo môi trường giáo dục thuận lợi cho nhà trường.

- Cơ sở vật chất ngày càng được củng cố, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu cho công tác dạy và học ngày càng có hiệu quả.

***Thách thức:***

- Trong thời kì hội nhập và phát triển yêu cầu đòi hỏi của xã hội cũng như của gia đình học sinh ngày càng cao về chất lượng giáo dục, đó là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn hội nhập quốc tế.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phải đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Đội ngũ phải biết khai thác, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong đổi mới quản lý và đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh để nâng cao chất lượng.

- Năm học 2024-2025 là năm học tiếp tục thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nhiệm vụ của nhà trường là phải cụ thể hóa mục tiêu giáo dục phổ thông, giúp học sinh biết vân dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời,biết xây dựng và phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

- Để đạt được được các mục tiêu lớn của chương trình giáo dục phổ thông 2018, cần phải có đầy đủ các yếu tố về CSVC, về con người nhưng cả hai nội dung này các cơ sở giáo dục đang hoàn toàn phụ thuộc vào chính quyền các cấp: xã, thành phố và tỉnh.

**Sứ mệnh:**

“Taọ dựng môi trường học tập và rèn luyện có dân chủ, kỉ cương, tình thương, trách nhiệm để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân*„* Làm cho mọi học sinh đều thấy rằng “*Mỗi ngày đến trường là một ngày vui“*

**Tầm nhìn**

Xây dựng trường tiểu học Nghi Kim trở thành một ngôi trường thân thiện, uy tín, chất lượng. Nơi phụ huynh, học sinh tin cậy. Một chiếc nôi rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên.

**Giá trị cốt lõi**

- Tình đoàn kết - Lòng nhân ái

- Tinh thần trách nhiệm - Sự hợp tác

- Lòng tự trọng - Tính sáng tạo

- Tính trung thực - Khát vọng vươn lên

Thông tư 22/2016, Thông tư 27/ 2020, đào tạo các em trở thành những con người năng động, sáng tạo đáp ứng nguồn nhân lực trong bối cảnh hiện nay và để phát triển lên các trình độ cao hơn trong tương lai.

**Mục tiêu chương trình giáo dục**

Đến năm 2025 Trường Tiểu học Nghi Kimtrở thành một ngôi trường có uy tín, có chất lượng cao, đào tạo ra những con người có kỹ năng sống tốt và luôn có khát vọng vươn lên phát huy truyền thống hiếu học. Là nơi giáo viên luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công với khát vọng được cống hiến. Là nơi phụ huynh học sinh lựa chọn cho con em mình học tập và rèn luyện;

**1.3. Xác định chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục.**

Quy trình xác định chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục nhà trường gồm 5 bước như sau:

Bước 1. Thành lập Tổ soạn thảo chuẩn đầu ra;

Bước 2. Xây dựng dự thảo chuẩn đầu ra;

Bước 3. Tổ chức khảo sát thu thập thông tin các bên liên quan;

Bước 4. Hoàn thiện dự thảo chuẩn đầu ra;

Bước 5. Hoàn thiện, phê duyệt và công bố chuẩn đầu ra.

Sau khi hoàn thiện, chuẩn đầu ra được thông qua hội đồng sư phạm nhà trường, trình Hiệu trưởng phê duyệt, ký ban hành và được công bố trên website của trường.

Chuẩn đầu ra nhằm khẳng định chất lượng, năng lực, phẩm chất của người học sau khi hoàn thành chương trình giáo dục mỗi lớp học, cấp học ở từng môn học và hoạt động giáo dục, trong đó mỗi lớp học, cấp học sau đều có những yêu cầu sau cao hơn, đồng thời bao gồm những yêu cầu đối với các lớp học, cấp học trước đó (*Phụ lục2)*.

**Cụ thể:**

Chuẩn đầu ra chất lượng học tập của học sinh năm học 2024– 2025

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Lớp 1** | **Lớp 2** | **Lớp 3** | **Lớp 4** | **Lớp 5** | **Tổng hợp kết quả của TP** | **Tổng hợp kết quả của Tỉnh** | **Điểm TBC khảo sát chất lượng khối 5 (Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh)** |
| 1 | Tổng số HS/số lớp | 277/7  (1KT) | 288/8  (2KT) | 256/7 | 271/7  (1KT) | 275/7  (5KT) |  |  |  |
| 2 | Số HS đạt các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế | 0 | 0 | 0 | 2 |  | 5 | 3 |  |
| 3 | Số HS đạt các chứng chỉ Toán quốc tế | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | 3 |  |
| 4 | Số HS đạt các chứng chỉ Tin quốc tế | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 |  |  |
| 5 | Số HS đạt giải các cuộc thi quốc tế | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | 4 |  |
| 6 | Số HS đỗ vào các trường chuyên | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 – 4hs |  |  |  |
| 7 | Điểm TBC các môn | 8,55 | 8,55 | 7,82 | 7,9 | 8.1 |  |  | 7.65 |
| 8 | Điểm TBC môn Toán | 8,5 | 8,5 | 7,9 | 7,88 | 7.8 |  |  | 7.5 |
| 9 | Điểm TBC môn Tiếng Việt | 8,6 | 8,6 | 7,8 | 7,87 | 8.0 |  |  | 7.8 |
| 10 | Điểm TBC môn Khoa học |  |  |  | 8,07 | 8.2 |  |  |  |
| 11 | Điểm TBC môn Lịch sử và Địa lý |  |  |  | 7.85 | 8.0 |  |  |  |
| 12 | Điểm TBC môn Tiếng Anh |  | HTT: 199 69,6%  HT: 87 30,4% | 7,8 | 7.73 | 8.0 |  |  |  |
| 13 | Điểm TBC môn Tin học |  |  | 7,8 | 7,83 | 8.0 |  |  |  |
| 14 | Điểm TBC môn Công nghệ |  |  | 7,8 | 8.0 | 8.5 |  |  |  |
| 15 | Đạo đức | HTT: 249: 90,2 %  HT: 27: 9,8% | HTT: 236: 82,5%  HT: 50: 17,5% | HTT:181  70,7%  HT: 75  29,3%  CHT:0 | HTT:196  72,6%  HT: 74  27,4%  CHT: 0 | HTT: 87%;  235/270  HT: 13%; 35/270 |  |  |  |
| 16 | Tự nhiên xã hội | HTT: 249: 90,2 %  HT: 27: 9,8% | HTT: 236 82,5%  HT: 50: 17,5% | HTT:181  70,7%  HT: 75  29,3%  CHT:0 |  |  |  |  |  |
| 17 | Âm nhạc | HTT: 249: 90,2 %  HT: 27: 9,8% | HTT: 231 80,7%  HT: 55 19,3% | HTT:201  78,5%  HT: 55  21,5% | HTT:206  76,3%  HT: 64  23,7%  CHT: 0 | T: 87%;  235/270  H: 13%; 35/270 |  |  |  |
| 18 | Mĩ thuật | HTT: 249: 90,2 %  HT: 27: 9,8% | HTT: 231 80,7%  HT: 55 19,3% | HTT:201  78,5%  HT: 55  21,5% | HTT:206  76,3%  HT: 64  23,7%  CHT: 0 | T: 87%;  235/270  H: 13%; 35/270 |  |  |  |
| 19 | GDTC (Thể dục) | HTT: 249: 90,2 %  HT: 27: 9,8% | HTT: 231 80,7%  HT: 55 19,3% | HTT:206  80,5%  HT: 50  19,5% | HTT:206  76,3%  HT: 64  23,7%  CHT: 0 | T: 79.6%;  215/270  H: 20.4%;55/2750 |  |  |  |
| 20 | Hoạt động TN | HTT: 249: 90,2 %  HT: 27: 9,8% | HTT: 241 84,3%  HT: 45 15,7% | HTT:176  68,8%  HT: 80  31,2% | HTT:196  72,6%  HT: 74  27,4%  CHT: 0 | T: 240/270  88.9%  H: 30/270  11.1% |  |  |  |
| 21 | Kĩ thuật |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 22 | ... |  |  |  |  |  |  |  |  |

**2. Đảm bảo chất lượng tuyển sinh**

Xây dựng kế hoạch tuyển sinh hàng năm phù hợp với điều kiện nhà trường; xây dựng quy chế tuyển sinh rõ ràng, công khai, minh bạch; đảm bảo dân chủ, công bằng trong tuyển sinh. Tuyển đúng yêu cầu, tiêu chuẩn, đủ số lượng, đề cao quyền được học của học sinh.

Phối hợp với Trường mầm non trên địa bàn, nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh theo kế hoạch, nắm bắt thông tin về các đối tượng tuyển sinh của trường, đặc biệt chú ý những đối tượng học sinh yếm thế (*khuyết tật, mồ côi, con hộ nghèo,..).* Nắm thông tin của Trường mầm non vềkết quả đánh giá học sinh theo Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi ban hành theo Thông tư 23/2010/TT-BGDĐT ngày 23/7/2010 của Bộ GDĐT.

Thực hiện phổ cập bắt buộc, Trường phải huy động hết trẻ 6 tuổi trên địa bàn vào học lớp 1. Thực hiện nguyên tắc bình đẳng, dân chủ khi tuyển sinh, xếp lớp học sinh.

Từ thông tin công tác tuyển sinh lớp 1, Hiệu trưởng nắm tình hình đặc điểm đối tượng học sinh để chuẩn bị phương án bố trí các GV làm nhiệm vụ chủ nhiệm và dạy học các lớp khối 1.

**3. Xây dựng đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018**

Giáo viên có vai trò quyết định trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục. Xây dựng đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018 là sự đảm bảo chất lượng bền vững. Trên cơ sở đề án vị trí việc làm, Hiệu trưởng cần tham mưu cho Phòng GD&ĐT, Phòng Nội vụ bố trí GV nhà trường đủ về số lượng và, hợp lý về cơ cấu, đảm bảo về chất lượng, đạt chuẩn theo quy định để tổ chức dạy đầy đủ, dạy tốt các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định.

Xây dựng phương án bố trí nhân sự năm học, Hiệu trưởng tổ chức phân công lao động, bố trí nhiệm vụ phù hợp để phát huy năng lực, sở trường của từng GV.

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ cho đội ngũ GV. Thực hiện bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ, kĩ năng hoạt động thực tiễn cho đội ngũ GV của nhà trường; có nhiệm vụ, mục tiêu bồi dưỡng cụ thể cho từng GV*.*

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng GVDG các cấp (*trường, thành phố, tỉnh*). Trên cơ sở nỗ lực phấn đấu của cá nhân GV và sự bồi dưỡng của tổ, nhóm CM, nhà trường cần chú trọng tập trung nâng cao tỉ lệ GV dạy giỏi các cấp đáp ứng yêu cầu Tiêu chuẩn 2 trong Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT để xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

Hiệu trường có kế hoạch cụ thể phối hợp với Công đoàn nhà trường tạo điều kiện về vật chất và thời gian, tăng thu nhập và quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần cho GV. Làm tốt công tác thi đua, khen thưởng, tạo động lực phấn đấu trong đội ngũ GV.

Hiệu trưởng tham mưu UBND cấp thành phố (*qua Phòng GD&ĐT, Phòng Nội vụ*) tuyển dụng, tiếp nhận GV đặt chất lượng GV trên hết; trong tuyển dụng, tiếp nhận GV đảm bảo cơ cấu, độ tuổi, có sự kế cận và đạt chuẩn về trình độ đào tạo.

Xây dựng đội ngũ GV định hướng theo tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia với các tiêu chí định lượng cụ thể (*tỷ lệ GV đạt chuẩn và trên chuẩn đào tạo, tỷ lệ GV xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp, số GVGD các cấp học...).* Có chính sách khuyến khích, đãi ngộ, tôn vinh những GV tâm huyết với nghề, năng lực chuyên môn tốt. *(Phụ lục 3)*

**4. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, chương trình nhà trường**

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, chương trình nhà trường phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện thực tiễn của trường (*điều kiện về đội ngũ GV, tình trạng CSVC, trang thiết bị,...)*; chương trình tăng cường đáp ứng nhu cầu của học sinh, phụ huynh.

**4.1. Thiết kế chương trình giáo dục**

**Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn học và**  **hoạt động giáo dục** | **Chương trình GDPT 2018**  **(Theo Thông tư 32/2018)** | | | | | | | | | |
| **LỚP 1** | | **LỚP 2** | | **LỚP 3** | | **LỚP 4** | | **LỚP 5** | |
| **TT**  **32** | **Tăng cường** | **TT**  **32** | **Tăng cường** | **TT**  **32** | **Tăng cường** | **TT**  **32** | **Tăng cường** | **TT**  **32** | **Tăng cường** |
| **1. Môn học bắt buộc** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tiếng Việt | 12 | 2 | 10 | 1 | 7 | 2 | 7 | 1 | **7** | 1 |
| Toán | 3 | 1 | 5 | 1 | 5 | 2 | 5 | 1 | 5 | 1 |
| Đạo đức | 1 |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  |
| TN&XH | 2 |  | 2 |  | 2 |  |  |  |  |  |
| Lịch sử & Địa lí |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 2 |  |
| Khoa học |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 2 |  |
| GDTC/TD | 2 |  | 2 |  | 2 |  | 2 |  | 2 |  |
| Âm nhạc | 1 |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  |
| Mỹ thuật | 1 |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  |
| Công nghệ |  |  |  |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  |
| Kỹ thuật |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2. HĐGD bắt buộc** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| HĐ trải nghiệm (CC, SHL, HĐTT) | 3 |  | 3 |  | 3 |  | 3 |  | 3 |  |
| **3. Môn học tự chọn** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tiếng Anh | 4 |  | 4 |  | 4 |  | 4 |  | 4 |  |
| Tin học |  |  |  |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  |
| **Tổng số tiết các mục 1+2+3** | **25** | **7** | **25** | **7** | **28** | **4** | **30** | **2** | 30 | 2 |
| **Tổng số tiết/tuần1+2+3** | **32** | | **32** | | **32** | | **32** | | **32** | |
| **5. GDSGHCK** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| STEM |  | 2 |  | 2 |  | 2 |  | 2 |  | 2 |
| TATC |  | 3 |  | 3 |  |  |  |  |  |  |

\* Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học.

| **Tháng** | **Chủ điểm** | **Nội dung trọng tâm** | **Hình thức tổ chức** | **TG thực hiện** | **Người thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **THÁNG 9** | **Chào mừng năm học mới** | Chào năm học mới | Toàn trường | Tuần 1 | TPT Đội |
| Truyền thống nhà trường  Trò chơi dân gian; nhảy bao bố, kéo co | Khối lớp | Tuần 2 | GVCN |
| An toàn giao thông | Khối lớp | Tuần 3 | GVCN K3- TPT Đội |
| Vui hội trăng rằm | Toàn trường | Tuần 4 | GVCN - TPT Đội |
| **THÁNG 10** | **Chăm ngoan, học giỏi** | Tuyên truyền phòng chống bạo lực học đường, tai nạn thương tích | Toàn trường | Tuần 5 | GVCN lớp 5A,5B |
| Nói lời hay – Làm việc tốt  Xử lý tình huống | Khối lớp | Tuần 6 | GVCN- TPT Đội |
| Văn nghệ chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam | Toàn trường | Tuần 7 | GVCN Lớp 5C-5D TPT Đội |
| HĐTN: Halloween festival | Khối lớp | Tuần 8 | GVCN khối 4,5+ GVTA+ GV Âm nhạc, Mỹ thuật, Tin học |
| **THÁNG 11** | **Tôn sư trọng đạo** | Phát động phong trào “Hội vui học tập” chào mừng ngày NGVN 20/11  Văn nghệ | Khối lớp | Tuần 9 | GVCN- TPT Đội |
| Kể chuyện về thầy cô trong trái tim em | Toàn trường | Tuần 10 | GVCN lớp 5E-5G TPĐ |
| Tổ chức Hội thi văn nghệ | Khối lớp | Tuần 11 | GVCN- TPT Đội |
| Trưng bày, giới thiệu sản phẩm Tri ân thầy cô (Tranh ảnh, thiệp, lời chúc) | Toàn trường | Tuần 12 | Mỗi lớp 1 sản phẩm có sự đầu tư)  TPT Đội |
| Tổng kết hoạt động tháng  Kể chuyện | Khối lớp | Tuần 13 | GVCN- TPT Đội |
| **THÁNG 12** | **Uống nước nhớ nguồn** | Phát động phong trào “Rèn luyện tác phong của chú Bộ Đội”chào mừng ngày QĐNDVN 22/12  Tuyên truyền, tìm hiểu về “Biển đảo quê hương” | Toàn trường | Tuần 14 | GVCN lớp 5H TPT Đội |
| Hóa trang: Chi đội em mang tên người anh hùng  Kể chuyện về chú bộ đội | Khối lớp | Tuần 15 | GVCN- TPT Đội |
| HĐTN: Em yêu chú bộ đội | Toàn trường | Tuần 16 | GVCN K2- TPT Đội |
| Tuyên truyền về quyền và bổn phận trẻ em |  | Tuần 17 | GVCN- TPT Đội |
| **THÁNG 1** | **Mừng Đảng- Mừng xuân** | Múa hát về chủ đề mùa xuân | Khối lớp | Tuần 18 | GVCN + TPT Đội |
| Phòng tránh xâm hại | Toàn trường | Tuần 19 | GVCN K5,  TPT Đội |
| Tuyên truyền và ký cam kết phòng chống pháo nổ dịp tết nguyên đán | Khối lớp | Tuần 20 | GVCN,  TPT Đội |
| Tìm hiểu phong tục đón năm mới | Toàn trường | Tuần 21 | GVCN 4A,TPT Đội |
| **THÁNG 2** | Tìm hiểu trang phục đón năm mới của một số dân tộc | Khối lớp | Tuần 22 | GVCN |
| Tết trồng cây | Toàn trường | Tuần 23 | GVCN lớp 4B,4E  TPT Đội |
| Múa hát tập thể- Giao lưu văn nghệ khúc hát mừng Đảng, mừng xuân | Toàn trường | Tuần 24 | GVCN, TPT Đội |
| **THÁNG 3** | **Chào mừng 08/3 – Tiến bước lên đoàn** | Hội diễn văn nghệ chào mừng 8/3  Cảm nghĩ về mẹ và cô  Làm thiệp, vẽ tranh tặng bà, me, cô | Toàn trường | Tuần  25 | GVCN lớp 3A,3G,3E,3H, TPT Đội |
| I love English | Khối lớp | Tuần 26 | GVCN+ GV Tiếng Anh+ GV Âm nhạc, Mỹ thuật, Tin học |
| Tài nguyên và môi trường | Khối lớp | Tuần 27 | GVCN K 4,5+ TPT Đội |
| Ngày hội Tiến bước lên Đoàn | Toàn trường | Tuần 28 | GVCN lớp 4G,4H,3B,3C TPT Đội |
| **THÁNG 4** | **Hòa bình hữu nghị** | Tuyên truyền về Luật trẻ em, quyền trẻ em | Toàn trường | Tuần 29 | GVCN lớp 4C,4D TPT Đội |
| HĐTN: Quê hương tươi đẹp | Khối lớp | Tuần 30 | GVCN K1 + TPT Đội |
| Phòng chống ô nhiễm môi trường | Toàn trường | Tuần 31 | TPT Đội |
| Ngày hội đọc sách- Giới thiệu sách hay với học sinh | Khối lớp | Tuần 32 | GVCN+ TPT Đội |
| **THÁNG 5** | **Nhớ ơn Bác Hồ** | Hát mừng ngày Giải phóng miền Nam | Toàn trường | Tuần 33 | GVCN Khối 1.2 TPT Đội |
| Thi tìm hiểu về tiểu sử Bác Hồ, kể chuyện Bác Hồ | Toàn trường | Tuần 34 | GVCN khối 1.2. 3.4.5 mỗi khối 1 câu chuyện TPT Đội |
| Phát động phong trào thi đua mừng sinh nhật Đội | Khối lớp | Tuần 35 | GVCN + TPT Đội |
|  |  | Tổng kết năm học | Toàn trường | Tuần 36 | GVCN |

Hoạt động sau giờ học chính thức trong ngày trong thời gian bán trú tại trường có thể tổ chức dưới hình thức sinh hoạt câu lạc bộ (Em yêu tiếng Việt, CLB tiếng Anh, Toán tuổi thơ, Aerobic, bóng bàn, bóng rổ,..) Cụ thể:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Nội dung** | **Hoạt động** | **Đối tượng**  **quy mô** | **Địa điểm** | **Ghi chú** |
| 10h30-10h50p | Vệ sinh cá nhân | Thay trang phục, vệ sinh tiểu tiện, rửa tay | Cá nhân | Tại trường |  |
| 10h50-11h30p | Ăn trưa |  | Theo lớp | Tại phòng ăn nhà trường |  |
| 11h30-11h45p | Giải trí nhẹ nhàng | Đọc truyện hoặc nghe GV đọc truyện | Theo lớp | Lớp học |  |
| 11h45-13h30p | Ngủ trưa |  | Theo lớp | Tại lớp học |  |
| 13h30-13h55p | Vệ sinh cá nhân | Thay trang phục, vệ sinh tiểu tiện, rửa tay | Cá nhân | Tại trường |  |
| 16h30-16h35p | Vệ sinh cá nhân | Thay trang phục, vệ sinh tiểu tiện, rửa tay | Cá nhân | Tại trường |  |
| 16h35p-17h00 | Môn tự chọn | 1. STEM | -Theo khối | - Phòng Stem |  |

b) Tổ chuyên môn lập kế hoạch giáo dục theo năm học, bao gồm:

- Khung thời gian triển khai môn học;

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh;

- Quản lý hồ sơ chuyên môn của giáo viên, dự giờ và phân tích tính sư phạm của bải học;

- Kiểm tra, đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp (có thể sắp thứ tự); đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên;

- Xây dựng các ngân hàng câu hỏi, bài tập cho môn học;

- Hoạt động giáo dục theo hướng phát triển năng lực thông qua tổ chức kiểm tra, đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết.

- Tổ chức trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong tổ chuyên môn và phát triển chương trình, phương pháp dạy học, giáo dục; đặc biệt cần lấy nghiên cứu bài học là hoạt động thường xuyên để phát triển nghề nghiệp.

c) Giáo viên lập kế hoạch giáo dục, bao gồm:

- Bài dạy (giáo án), theo dõi và đánh giá kết quả học sinh, chủ nhiệm lớp (nếu có);

- Xây dựng, biên soạn các tài liệu hướng dẫn dạy học, giáo dục các chuyên đề, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động giáo dục tự chọn dựa trên nhu cầu, đặc điểm địa phương để sử dụng chung trong trường.

**4.2. Thực hiện chương trình giảng dạy linh hoạt và có hiệu quả**

Nhà trường giao quyền chủ động cho tổ, nhóm chuyên môn và GV quyền chủ động thực hiện chương trình giảng dạy linh hoạt, phù hợp và có hiệu quả với các đối tượng học sinh, điều kiện thực tiễn nhà trường và địa phương.

**5. Xây dựng, bồi dưỡng CBQL**

Xây dựng đội ngũ CBQL có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, trách nhiệm và tự trọng; có tầm nhìn, sáng tạo, năng lực tổ chức, quản trị nhà trường và tâm huyết với nghề; đạt chuẩn Hiệu trưởng tối thiểu mức Khá theo quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT.

Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, kĩ năng hoạt động thực tiễn đối với CBQL. Cán bộ quản lý học tập, rèn luyện phấn đấu đạt **4 T**: Tâm huyết, Trách nhiệm, Tầm nhìn (*đã bao hàm tư duy sáng tạo)*, Tác phong chuyên nghiệp.

CBQL không ngừng phấn đấu để xếp loại đạt mức tốt theo Chuẩn hiệu trưởng.

**6. Đảm bảo CSVC, đồ dùng dạy học, thiết bị dạy học**

Cơ sở vật chất, đồ dùng dạy học, thiết bị dạy học góp phần quan trong nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học, giáo dục. Đảm bảo CSVC, đồ dùng, thiết bị dạy học là tiền đề đảm bảo chất lượng giáo dục.

Tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng CSVC và trang thiết bị dạy học hiện có của nhà trường; căn cứ yêu cầu của hoạt động dạy học, giáo dục để xây dựng kế hoạch bổ sung, sửa chữa, mua sắm CSVC, trang thiết bị dạy học. Cần làm rõ danh mục bổ sung, sửa chữa, mua sắm trước mắt (*ngay trong năm học*) và dài hạn (*từ 3-5 năm*) để có kế hoạch bố trí kinh phí phù hợp.

Có kế hoạch vận động, huy động các nguồn lực theo hướng xã hội hóa để có kinh phí bổ sung, xây dựng, sửa chữa, cải tạo CSVC, trang thiết bị dạy học: sự đầu tư từ ngân sách nhà nước (*các chương trình, dự án thuộc ngân sách Trung ương, tỉnh, huyện, xã)*; sự ủng hộ của các doanh nghiệp, các tổ chức, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước; sự ủng hộ của các thế hệ cựu học sinh, nhất là học sinh thành đạt; sự đóng góp của cha mẹ học sinh. Việc sự dụng kinh phí cần bảo đảm công khai, minh bạch để tạo niềm tin đối với các nhà đầu tư đồng thời bảo đảm quy định pháp luật về quản lý tài chính, tài sản. Việc mua sắm, xây dựng CSVC, trang thiết bị phải tuân thụ các quy định hiện hành về mua sắm, đấu thầu,vv.

Tổ chức khai thác, sử dụng CSVC, trang thiết bị, đồ dùng dạy học đã được trang bị bảo đảm hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục. Khắc phục tình trạng lãng phí CSVC, trang thiết bị, không khai thác, sử dụng hoặc không khai thác hết tính năng thiết bị, CSVC hiện có. Có biện pháp quản lý để ngăn ngừa tình trạng GV ngại sử dụng thiết bị, nhất là các thiết bị công nghệ hiện đại. Gắn việc sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học với việc đánh giá xếp loại hàng năm của GV.

Thực hiện có nền nếp việc quản lý, đăng ký, kiểm kê, khấu hao, thanh lý CSVC, tài sản, trang thiết bị theo quy định. Tăng cường ứng dụng CNTT, sử dụng các phần mềm trong quản lý CSVC, trang thiết bị, đồ dùng dạy học để nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng, bảo quản CSVC, trang thiết bị. ( *Phụ lục 4)*.

**7. Cam kết trách nhiệm**

GV kí cam kết chất lượng môn học, GV chủ nhiệm ký cam kết về kết quả học tập và rèn luyện của học sinh với Hiệu trưởng; Hiệu trưởng kí cam kết với Trưởng phòng GD&ĐT về chất lượng giáo dục của nhà trường. *(Phụ lục 16,17)*

**IV. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG QUÁ TRÌNH DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC**

**1. Đảm bảo chất lượng dạy học của GV**

Nhà trường, thông qua tổ, nhóm chuyên môn, chỉ đạo đội ngũ GV thực hiện nghiêm túc các yêu cầu, quy định để đảm bảo chất lượng dạy học. Cụ thể:

**1.1. GV xây dựng và thực hiện chương trình môn học, lập kế hoạch giáo dục cá nhân, kế hoạch giảng dạy**

Giáo viên xây dựng dự thảo kế hoạch dạy học môn học, thảo luận giữa các thành viên trong tổ, tổ chuyên môn hoàn thiện dự thảo trình Hiệu trưởng phê duyệt. Nhà trường giao quyền chủ động, linh hoạt cho GV trong việc xây dựng và thực hiện chương trình môn học, lập kế hoạch giáo dục cá nhân, kế hoạch giảng dạy phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Thực hiện tốt mục tiêu, nội dung chương trình và kế hoạch dạy học;

- Chuẩn bị bài soạn đầy đủ, chuẩn bị lên lớp ĐBCL, đúng quy định về giảng dạy và giáo dục học sinh;

- Thực hiện nghiêm túc việc lên lớp;

- Đổi mới phương pháp dạy học theo tiến trình: Tiếp cận tri thức, khám phá, thực hành, vận dụng nhằm phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh, dạy học “lấy học sinh làm trung tâm” và phát triển năng lực người học.

- Tổ chức dự giờ thăm lớp, SHCM theo hướng nghiên cứu bài học và phân tích tính sư phạm của bài học;

- Tổ chức kiểm tra - đánh giá kết quả việc học tập của học sinh;

- Quản lý tốt hồ sơ chuyên môn;

- Tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng với các nội dung, chuyên đề, môdul phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của cá nhân và kế hoạch của Trường đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDPT 2018.

**1.2. Giáo viên thiết kế bài giảng**

Giáo viên chủ động linh hoạt khai thác các học liệu điện tử, ngữ liệu, ứng dụng CNTT,... để thiết kế bài giảng phù hợp với điều kiên thực tiễn và đối tượng học sinh, đảm bảo các yêu cầu:

- Lấy mục tiêu bài học, yêu cầu cần đạt của chương trình làm cơ sở để đánh giá kết quả học tập của học sinh sau mỗi tiết học;

- Chuẩn bị tốt đồ dùng dạy học, phương pháp, hình thức, kĩ thuật dạy học;

# - Chú trọng đổi mới kế hoạch bài dạy (*bài soạn*) theo hướng dẫn của Bộ GDĐT tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 về việc xây dựng kế hoạch giáo dục trường tiểu học. Tổ chức các hoạt của học sinh gồm: khám phá, trải nghiệm, thực hành, kết nối, vận dụng nhằm phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh.

**1.3. Giáo viên tổ chức thực hiện tốt kế hoạch bài giảng trên lớp**

GV chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch bài giảng trên lớp để giúp học sinh học tập có hiệu quả. Việc thực hiện kế hoạch bài giảng trên lớp cần đảm bảo các yêu cầu:

- Việc đổi mới phương pháp dạy học đảm bảo theo yêu cầu đề ra;

- Đảm bảo mục tiêu dạy học đề ra;

- Tính phù hợp của hình thức và phương pháp dạy học, chú trọng tăng cường tương tác giữa học sinh với học sinh, gắn liền với thực tiễn và tích hợp trong dạy học;

- Người hướng dẫn, tổ chức điều khiển hoạt động học của học sinh;

- Sử dụng hiệu quả các đồ dùng, thiết bị, phương tiện dạy học cho hoạt động dạy học;

- Tiến trình dạy học đi từ hiện trạng học sinh từng hoạt động của tiết học;

- Đánh giá được nguyên nhân chính của những khó khăn trong hoạt động dạy học;

- Những giải pháp chủ yếu cần thực hiện để giúp học sinh tích cực tham gia học tập.

**1.4. Thống nhất việc soạn bài của giáo viên với tổ chức dạy học trên lớp đúng quy định, theo quan điểm định hướng đổi mới giáo dục hiện nay của Bộ GDĐT**

Tổ chuyên môn hướng dẫn GV để thống nhất việc soạn bài với tổ chức dạy học trên lớp đúng quy định, định hướng đổi mới của Bộ và Sở GD&ĐT. Khuyến khích GV sử dụng giáo án điện tử, các học liệu điện tử, ứng dụng CNTT,... để nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học.

**1.5. Tăng cường quản lí hoạt động của Tổ chuyên môn**

Tổ trưởng là người trực tiếp ĐBCL công tác dạy học và giáo dục của Tổ và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng. Tổ trưởng cần xây dựng và duy trì nền nếp hoạt động của Tổ (*Kế hoạch, chương trình hoạt động*,... ); tăng cường các sinh hoạt, trao đổi chuyên môn về chuyên đề, chủ đề dạy học, những vấn đề mới, khó của Chương trình GDPT 2018; tìm các giải pháp có hiệu quả để nâng cao chất lượng hiệu quả dạy học, giáo dục học sinh. Hình thức sinh hoạt cần linh hoạt cả trực tiếp và trực tuyến, trong đó tăng cường sinh hoạt, trao đổi trực tuyến, dự giờ trực tuyến,vv.

Các GV có trách nhiệm ĐBCL trực tiếp về chuyên môn mà mình được phân công phụ trách.

**1.6. Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh**

Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh làm tiền đề cho việc đổi mới phương pháp dạy học và ngược lại. Coi Dạy - Học - Kiểm tra, đánh giá là một quá trình thống nhất, là ba then chốt của quá trình sư phạm.

Chỉ đạo GV tăng cường đánh giá thường xuyên nhằm kịp thời phát hiện những hạn chế, thiếu sót của từng học sinh để giúp các em khắc phục kịp thời; phát hiện sự tiến bộ của học sinh để động viên, khuyến khích các em vươn lên trong học tập, rèn luyện.

Tổ chức nghiêm túc, khách quan, chặt chẽ việc đánh giá định kỳ để nắm được chất lượng học sinh cả lớp, cả khối và toàn trường. Tổ CM chịu trách nhiệm hướng dẫn GV xây dựng đề kiểm tra định kỳ phù hợp, tuân thủ quy trình xây dựng đề kiểm tra. Tổ chức kiểm tra định kỳ nghiêm túc, khách quan, loại bỏ các hành vi tiêu cực gian lận, bệnh thành tích trong việc kiểm tra, đánh giá học sinh.

**2. Đảm bảo chất lượng hoạt động học tập của học sinh**

Giáo viên có vai trò quyết định trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục. GV được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về việc tổ chức dạy học, về chất lượng giáo dục học sinh. Để đảm bảo chất lượng hoạt động học tập của học sinh, GV cần thực hiện tốt các yêu cầu sau:

**2.1. Đảm bảo thực hiện tốt quản lí hoạt động học tập của học sinh**

- Quản lí động cơ, thái độ học tập của học sinh

Giáo viên, đặc biệt GV chủ nhiệm, có trách nhiệm giáo dục, theo dõi, quản lý tinh thần, động cơ, thái độ học tập của học sinh; hình thành cho học sinh động cơ, thái độ học tập đúng đắn, trung thực, kiên quyết loại bỏ các biểu hiện gian lận trong học tập của học sinh. Xây dựng phong trào thi đua học tập tốt cho học sinh.

- Quản lí phương pháp học tập ở trường cũng như ở nhà của học sinh

GV có trách nhiệm hướng dẫn cho học sinh phương pháp học tập khoa học, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lứa tuổi, đặc thù môn học. Đồng thời GV có trách nhiệm quản lý, theo dõi phương pháp học tập của học sinh ở trường cũng như ở nhà; phối hợp với CMHS kịp thời uốn nắng khi học sinh học tập không đúng phương pháp.

- Hình thành cho học sinh phương pháp tự học, rèn luyện kĩ năng tự học

Bằng các biện pháp linh hoạt, sáng tạo, GV hình thành cho học sinh phương pháp tự học, rèn luyện kĩ năng tự học, bồi dưỡng thói quen, ý chí tự học thông qua việc tổ chức giờ học và hướng dẫn của GV.

Thông qua việc tăng cường tương tác giữa học sinh với học sinh để góp phần hình thành các kỹ năng hoạt động nhóm, phối hợp, kỹ năng giao tiếp, mạnh dạn tự tự tin, khuyến khích học sinh bày tỏ quan điểm, chính kiến của bản thân.

- Xây dựng nền nếp, thái độ học tập cho học sinh

Ngay từ đầu năm học, GV chủ nhiệm, GV bộ môn có trách nhiệm xây dựng và duy trì nền nếp học tập nghiêm túc, thái độ học tập tích cực, đúng đắn cho tất cả học sinh trong lớp. Phối hợp với các tổ chức trong Trường kiểm tra việc thực hiện nền nếp, ý thưc thái độ học tập của học sinh; phấn đấu 100% học sinh tự giác thực hiện nền nếp và có ý thức, thái độ học tập tốt.

**2.2. Quản lí thời gian học tập của học sinh**

GV chủ nhiệm phối hợp GV bộ môn, Tổng phụ trách Đội thực hiện tốt quản lí thời gian học tập của học sinh, gồm:

- Thời gian dạy- học: tiết học, bài học, chủ đề, giữa kì, học kì, môn học, … theo thời khóa biểu;

- Tổ chức hoạt động học tập, vui chơi giải trí phù hợp.

Việc quản lý thời gian học tập của học sinh phải đảm bảo yêu cầu khoa học, hợp lý, tránh gây áp lực căng thẳng đối với học sinh.

**2.3. Đánh giá, phân tích kết quả học tập của học sinh đảm bảo sát thực, đúng chất lượng học tập của từng học sinh**

Cuối học kỳ, cuối năm học, GV chủ nhiệm phối hợp GV bộ môn tiến hành đánh giá, phân tích kết quả học tập của học sinh trong lớp đảm bảo yêu cầu thực chất, khách quan, công bằng; cần làm rõ những ưu điểm nổi bật, những hạn chế, tồn tại để tìm biện pháp phù hợp trong thời gian tới để ĐBCL tiến bộ, bền vững.

**2.4. Nghiên cứu dự trù những phương án dự phòng để giải quyết thỏa đáng nhiệm vụ học tập của từng đối tượng học sinh theo thời gian của tiết học, đồng thời quán triệt quan điểm dạy học theo đối tượng**

GV chủ nhiệm phối hợp GV bộ môn chủ động xây dựng các phương án dự phòng để giải quyết thỏa đáng nhiệm vụ học tập theo thời gian của tiết học với từng đối tượng học sinh: học sinh có khó khăn trong học tập, học sinh đại trà, học sinh có năng khiếu, tư chất tốt, thậm chí cả với học sinh khuyết tật, thực hiện có hiệu quả quan điểm dạy học theo đối tượng, sát đối tượng nhằm ĐBCL cho từng đối tượng học sinh.

**3. Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh**

**3.1. Thực hiện đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá trên cơ sở đánh giá kết quả học tập của học sinh**, **bao gồm:**

- Quản lí đánh giá thể hiện qua xếp loại, duy trì và phát triển chuẩn chất lượng

Qua kết quả đánh, giá, xếp loại chất lượng giáo dục, nhà trường chỉ đạo GV thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả việc đánh giá thường xuyên nhằm thúc đẩy chất lượng học tập của học sinh; thực hiện đúng cam kết đã ký với Hiệu trưởng nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục được duy trì và có sự phát triển bền vững.

- Kiểm soát và điều chỉnh hoạt động dạy học

Dù đã giao quyền chủ động cho GV trong việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về về chất lượng học sinh nhưng qua kết quả học tập của học sinh, Hiệu trưởng tăng cường kiểm soát và điều chỉnh hoạt động dạy học của trường, của từng khối lớp, từng giáo viên để thực hiện mực tiêu ĐBCL bền vứng và có sự tăng trưởng.

- Giáo dục và phát triển người học (*lấy động viên làm phát triển động cơ học tập, khuyến khích tự học,…)*

Từ việc đánh giá kết quả học tập của học sinh, GV chủ nhiệm phối hợp GV bô môn, TPT Đội để có các biên pháp tác động đồng bộ, thống nhất, nhằm giáo dục và phát triển học sinh, chú trọng động viên, khuyến khích các em trau dồi động cơ, thái độ học tập đúng đắn, tăng cường phát triển năng lực tự học, góp phần ĐBCL bền vững, tiến bộ không ngừng.

**3.2. Công tác kiểm tra đánh giá cần được đổi mới một cách cơ bản**, **đảm bảo tính khách quan, khoa học, tính quá trình và phù hợp chuẩn**

Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học sinh học tập của học sinh cần được đổi mới mạnh mẽ, triệt để, loại bỏ suy nghĩ, thói quen đánh giá học sinh theo lối cũ. Việc kiểm tra, đánh giá cần thực hiện bài bản, đảm bảo tính khách quan, khoa học, tuân thủ đúng quy trình, phù hợp chuẩn; khắc phục có hiệu quả những biểu hiện chủ quan, duy ý chí, thiếu khách quan, trung thực,vì lợi ích cá nhân,vv trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

**3.3. Thực hiện đánh giá quá trình, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh thường xuyên, liên tục:**

Diễn ra trong tiết học, trong từng hoạt động của tiết học để nhằm theo dõi việc nắm bắt kiến thức của học sinh so với yêu cầu đặt ra; đánh giá thông qua các sản phẩm học tập, các dự án học tập, các hoạt động vận dụng kiến thức của học sinh…

**V. ĐẢM BẢO YẾU TỐ ĐẦU RA**

**1. Thực hiện đánh giá, xếp loại GV theo quy định**

**1.1 Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá GV theo Chuẩn nghề nghiệp**

Trường tổ chức đánh giá, xếp loại GV theo Chuẩn nghề nghiệp bảo đảm nghiêm túc, công bằng, khách quan, đúng quy định. Trường tổ chức để GV tự đánh giá theo chu kỳ một năm một lần vào cuối năm học. Hiệu trưởng tổ chức đánh giá GV theo chu kỳ hai năm một lần vào cuối năm học. Trong trường hợp đặc biệt, được sự đồng ý của Phòng GD&ĐT, nhà trường rút ngắn chu kỳ đánh giá giáo viên.

Việc đánh giá, xếp loại GV theo Chuẩn nghề nghiệp thực hiện theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT. Hồ sơ đánh giá, xếp loại GV đúng quy định, lưu giữ đầy đủ.

**1.2. Đánh giá chất lượng giờ dạy của GV** **thông qua kết quả đánh giá giờ dạy**

Chỉ đạo tổ chuyên môn đánh giá giờ dạy của GV bảo đảm chính xác, khách quan, công bằng. Chú ý cả đối tượng GV trẻ, GV cao tuổi, GV cốt cán, GV còn hạn chế năng lực để giúp GV học hỏi lẫn nhau, phát huy ưu điểm, mặt mạnh, khắc phục hạn chế, tồn tại trong dạy học; đổi mới PPDH, nâng cao năng lực, hiệu quả dạy học.

**1.3. Tổ chức hội giảng trong nhà trường** **để đánh giá kết quả thi giáo viên dạy giỏi**

Nhà trường tổ chức hội giảng để tạo phong trào thi đua trong giảng dạy của GV; tổ chức hội thi GVDG cấp trường, GVCNG cấp trường để phát hiện nhân tố điển hình, bồi dưỡng dự thi GVDG cấp thành phố, cấp tỉnh; góp phần nâng cao năng lực dạy học của GV.

**1.4. Kiểm tra, giám sát thường xuyên, đột xuất việc thực hiện quy chế chuyên môn**, **kiểm tra toàn diện hồ sơ sổ sách của GV**

Chủ động, linh hoạt phối hợp các lực lượng (*Tổ CM, Ban Thanh tra nhân dân, Lãnh đạo Trường, ..)* tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ, sổ sách của GV, kể cả hồ sơ điện tử ,.. góp phần xây dựng nền nếp làm việc nghiêm túc, có chất lượng, hiệu quả của đội ngũ GV.

**1.5. Đánh giá tiết học trên lớp** (*theo Phiếu đánh giá tiết học – Phiếu dự giờ*), qua các lĩnh vực: kiến thức, kĩ năng sư phạm, thái độ sư phạm, hiệu quả tiết học

Chỉ đạo tổ CM thực hiện đánh giá tiết học trên lớp theo 4 tiêu chí nói trên, giúp GV thấy được mặt mạnh, ưu điểm, mặt tồn tại, hạn chế của bản thân, chỉ ra hạn chế trong việc học tập của học sinh để GV có sự điều chỉnh kịp thời, phù hợp

**1.6. Đánh giá năng lực của GV thông qua kết quả học tập** **tiến bộ của học sinh so với kì trước, năm học trước**

Nhà trường tổ chức phân tích, đối sánh kết quả học tập của học sinh so với học kỳ trước, năm học trước để thấy được sự chuyển biến, tiến bộ về kết quả học tập của học sinh, từ đó làm cơ sở đánh giá năng lực và cố gắng của GV trong dạy học.

***Các nội dung đều có hồ sơ lưu giữ phù hợp, đầy đủ.***

**2. Đánh giá chất lượng học tập, rèn luyện của học sinh**

Tổ chức đánh giá kết quả học tập của học sinh toàn trường theo từng kì và đối sánh với kết quả kì trước đảm bảo thực chất, chính xác thông qua các đề thi trong ma trận đề thi các môn, các khối quy định*.*

Học sinh được đánh giá, xếp loại theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐ, thay thế Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT.

**2.1. Đánh giá sự hình thành và phát triển của học sinh** (*gồm 5 phẩm chất và 10 năng lực*); mức độ học sinh đáp ứng yêu cầu đầu vào của lớp trên và cấp học THCS

Tổ chức đánh giá học sinh theo từng khối lớp học. Đánh giá cụ thể học sinh về 5 phẩm chất (*yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm)* và 10 năng lực gồm 3 năng lực chung (*năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*); 7 năng lực chuyên môn (*ngôn ngữ, tính toán, tìm hiểu tự nhiên và xã hội, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất*).

Trên cơ sở đánh giá phẩm chất, năng lực học sinh, cần phân tích khả năng đáp ứng của học sinh sau khi hoàn thành CT tiểu học vào THCS học theo Chương trình GDPT 2018; đặc biệt chú ý những khóa học sinh lớp 5 học Chương trình GDPT cấp tiểu học theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT. Từ đó chỉ đạo Tổ CM khối 4,5 có nhứng điều chỉnh cần thiết, kịp thời trong dạy học nhằm giúp học sinh vững vàng, tự tin vào học THCS.

\**Khối 1:*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | | **TSHS tham gia đánh giá** | **Tốt** | | **Đạt** | | **Cần cố gắng** | |
| **SL** | **TL(%)** | **SL** | **TL(%)** | **SL** | **TL(%)** |
| Phẩm chất | 1. Nhân ái | 276 | 276 | 100% | 0 | 0% | 0 | 0% |
| 2. Yêu nước | 276 | 276 | 100% | 0 | 0% | 0 | 0% |
| 3. Chăm chỉ | 276 | 240 | 87,0% | 36 | 13,0 % | 0 | 0% |
| 4. Trung thực | 276 | 276 | 100% | 0 | 0% | 0 | 0% |
| 5. Trách nhiệm | 276 | 242 | 87,7% | 34 | 12,3% | 0 | 0% |
| Năng lực chung | 1. Tự chủ, tự học | 276 | 242 | 87,7% | 34 | 12,3% | 0 | 0% |
| 2. Giao tiếp hợp tác | 276 | 240 | 87,0% | 36 | 13,0 % | 0 | 0% |
| 3. GQVĐ và sáng tạo | 276 | 242 | 87,7% | 34 | 12,3% | 0 | 0% |
| Năng lực đặc thù | 1. Ngôn ngữ | 276 | 240 | 87,0% | 36 | 13,0 % | 0 | 0% |
| 2. Tính toán | 276 | 242 | 87,7% | 34 | 12,3% | 0 | 0% |
| 3. Khoa học | 276 | 235 | 85,1% | 41 | 14,9 % | 0 | 0% |
| 4. Thẩm mĩ | 276 | 276 | 100% | 0 | 0% | 0 | 0% |
| 5. Thể chất | 276 | 276 | 100% | 0 | 0% | 0 | 0% |

\**Khối 2*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | | **TSHS tham gia đánh giá** | **Tốt** | | **Đạt** | | **Cần cố gắng** | |
| **SL** | **TL(%)** | **SL** | **TL(%)** | **SL** | **TL(%)** |
| Phẩm chất | 1. Nhân ái | 286 | 286 | 100% | 0 | 0% | 0 | 0% |
| 2. Yêu nước | 286 | 286 | 100% | 0 | 0% | 0 | 0% |
| 3. Chăm chỉ | 286 | 245 | 85,6% | 41 | 14,4% | 0 | 0% |
| 4. Trung thực | 286 | 245 | 85,6% | 41 | 14,4% | 0 | 0% |
| 5. Trách nhiệm | 286 | 245 | 85,6% | 41 | 14,4% | 0 | 0% |
| Năng lực chung | 1. Tự chủ, tự học | 286 | 240 | 83,9% | 46 | 16,1% | 0 | 0% |
| 2. Giao tiếp hợp tác | 286 | 243 | 84,9% | 43 | 15,1% | 0 | 0% |
| 3. GQVĐ và sáng tạo | 286 | 244 | 85,3% | 42 | 14,7% | 0 | 0% |
| Năng lực đặc thù | 1. Ngôn ngữ | 286 | 245 | 85,6% | 41 | 14,4% | 0 | 0% |
| 2. Tính toán | 286 | 245 | 85,6% | 41 | 14,4% | 0 | 0% |
| 3. Khoa học | 286 | 244 | 85,3% | 42 | 14,7 % | 0 | 0% |
| 4. Thẩm mĩ | 286 | 286 | 100% | 0 | 0% | 0 | 0% |
| 5. Thể chất | 286 | 286 | 100% | 0 | 0% | 0 | 0% |

\* *Khối 3*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | | **TSHS tham gia đánh giá** | **Tốt** | | **Đạt** | | **Cần cố gắng** | |
| **SL** | **TL(%)** | **SL** | **TL(%)** | **SL** | **TL(%)** |
| Phẩm chất | 1. Nhân ái | 256 | 180 | 70,3% | 76 | 29.7% | 0 | 0 |
| 2. Yêu nước | 256 | 179 | 69,9% | 77 | 30,1% | 0 | 0 |
| 3. Chăm chỉ | 256 | 180 | 70,3% | 76 | 29,7% | 0 | 0 |
| 4. Trung thực | 256 | 184 | 71,9% | 72 | 28.1% | 0 | 0 |
| 5. Trách nhiệm | 256 | 184 | 71,9% | 72 | 28,1% | 0 | 0 |
| Năng lực chung | 1. Tự chủ, tự học | 256 | 183 | 71,5% | 73 | 28,5% | 0 | 0 |
| 2. Giao tiếp hợp tác | 256 | 181 | 70,7% | 75 | 29,3% | 0 | 0 |
| 3. GQVĐ và sáng tạo | 256 | 178 | 69,5% | 78 | 30,5% | 0 | 0 |
| Năng lực đặc thù | 1. Ngôn ngữ | 256 | 183 | 71,5% | 73 | 28,5% | 0 | 0 |
| 2. Tính toán | 256 | 186 | 72,7% | 70 | 27,3% | 0 | 0 |
| 3. Khoa học | 256 | 186 | 72,7% | 70 | 27,3% | 0 | 0 |
| 4. Thẩm mĩ | 256 | 180 | 70,3% | 76 | 29.7% | 0 | 0 |
| 5. Thể chất | 256 | 179 | 69,9% | 77 | 30,1% | 0 | 0 |

\* *Khối* 4

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | | **TSHS tham gia đánh giá** | **Tốt** | | **Đạt** | | **Cần cố gắng** | |
| **SL** | **TL(%)** | **SL** | **TL(%)** | **SL** | **TL(%)** |
| Phẩm chất | 1. Nhân ái | 270 | 220 | 81,5% | 50 | 18,5% | 0 | 0 |
| 2. Yêu nước | 270 | 220 | 81,5% | 50 | 18,5% | 0 | 0 |
| 3. Chăm chỉ | 270 | 220 | 81,5% | 50 | 18,5% | 0 | 0 |
| 4. Trung thực | 270 | 220 | 81,5% | 50 | 18,5% | 0 | 0 |
| 5. Trách nhiệm | 270 | 220 | 81,5% | 50 | 18,5% | 0 | 0 |
| Năng lực chung | 1. Tự chủ, tự học | 270 | 220 | 81,5% | 50 | 18,5% | 0 | 0 |
| 2. Giao tiếp hợp tác | 270 | 220 | 81,5% | 50 | 18,5% | 0 | 0 |
| 3. GQVĐ và sáng tạo | 270 | 220 | 81,5% | 50 | 18,5% | 0 | 0 |
| Năng lực đặc thù | 1. Ngôn ngữ | 270 | 220 | 81,5% | 50 | 18,5% | 0 | 0 |
| 2. Tính toán | 270 | 220 | 81,5% | 50 | 18,5% | 0 | 0 |
| 3. Khoa học | 270 | 220 | 81,5% | 50 | 18,5% | 0 | 0 |
| 4. Thẩm mĩ | 270 | 220 | 81,5% | 50 | 18,5% | 0 | 0 |
| 5. Thể chất | 270 | 220 | 81,5% | 50 | 18,5% | 0 | 0 |

*\* Khối 5*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | | **TSHS tham gia đánh giá** | **Tốt** | | **Đạt** | | **Cần cố gắng** | |
| **SL** | **TL(%)** | **SL** | **TL(%)** | **SL** | **TL(%)** |
| Phẩm chất | 1. Nhân ái | 270 | 221 | 81.9% | 49 | 18.1% | 0 | 0 |
| 2. Yêu nước | 270 | 234 | 86.7% | 36 | 13.3% | 0 | 0 |
| 3. Chăm chỉ | 270 | 215 | 79.6% | 55 | 20.4% | 0 | 0 |
| 4. Trung thực | 270 | 221 | 81.9% | 49 | 18.1% | 0 | 0 |
| 5. Trách nhiệm | 270 | 213 | 78.9% | 57 | 21.1% | 0 | 0 |
| Năng lực chung | 1. Tự chủ, tự học | 270 | 197 | 73.0% | 73 | 27.0% | 0 | 0 |
| 2. Giao tiếp hợp tác | 270 | 205 | 75.9% | 65 | 24.1% | 0 | 0 |
| 3. GQVĐ và sáng tạo | 270 | 193 | 71.5% | 77 | 28.5% | 0 | 0 |
| Năng lực đặc thù | 1. Ngôn ngữ | 270 | 183 | 67.8% | 87 | 32.2% | 0 | 0 |
| 2. Tính toán | 270 | 176 | 65.2% | 94 | 34.8% | 0 | 0 |
| 3. Khoa học | 270 | 180 | 66.7% | 90 | 33.3% | 0 | 0 |
| 4. Thẩm mĩ | 270 | 221 | 81.9% | 49 | 18.1% | 0 | 0 |
| 5. Thể chất | 270 | 234 | 86.7% | 36 | 13.3% | 0 | 0 |

**2.2. Kết quả đánh giá định kỳ đối với học sinh**

Đánh giá định kì đối với từng môn học, hoạt động giáo dục: tỉ lệ xếp loại Hoàn thành tốt, Hoàn thành, và Chưa hoàn thành.

- Đánh giá định kỳ về sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực: tỉ lệ xếp loại tốt, Đạt và Cần cố gắng

**2.3. Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học**, **chưa hoàn thành chương trình lớp học.**

***-*** Tổ chức kiểm tra và đánh giá đúng quy định. Kết hợp đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì và đặc biệt là đánh giá cuối năm để tổng hợp kết quả trình hiệu trưởng tổ chức xét hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh lớp 5 và hoàn thành lớp học cho các khối lớp 1,2,3,4.

- Có kế hoạch bồi dưỡng, phụ đạo cho học sinh chưa hoàn thành trong hè để các em ôn tập rèn luyện thi và xét hoàn thành trong dịp hè.

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối**  **Lớp** | **Tổng số HS** | **Số HS KT** | **Số HS**  **HTCTLH** | **Tỷ lệ** | **Số HS**  **CHTCTLH** | **Tỷ lệ** | **Ghi chú** |
| 1 | 277 | **1** | 275 | 99.6% | 1 | 0.4% |  |
| 2 | 288 | 2 | 285 | 99.7% | 1 | 0.3% |  |
| 3 | 256 | 0 | 254 | 99.2% | 2 | 0.8% |  |
| 4 | 271 | 1 | 269 | 99.6% | 1 | 0.4% |  |
| 5 | 275 | 5 | 270 | 100.0% | 0 | 0.0% |  |
| Tổng | 1.367 | 9 | 1353 | 99.6% | 5 | 0.4% |  |

**2.4. Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học**

- Đảm bảo số lượng học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đúng độ tuổi.

- Phấn đấu 100% học sinh HTCTTT, không có học sinh lưu ban.

- Bàn giao hồ sơ chất lượng học sinh đúng thời hạn, đầy đủ.

**2.5. Kết quả học sinh tham gia các hội thi, các sân chơi trí tuệ**,… **các cấp trường, huyện, tỉnh, quốc gia và quốc tế**

- Khuyến khích học sinh tham gia các sân chơi trí tuệ.

- Thành lập các câu lạc bộ như: CLB Toán học, CLB Tiếng Việt, CLB Tiếng Anh...Tạo sân chơi bổ ích cho học sinh.

- Hướng dẫn, bồi dưỡng cho học sinh tham gia các sân chơi do cấp trên tổ chức như: Toán tuổi thơ, Olimpic Toán học, Trạng Nguyên Tiếng Việt, Trạng nguyên Toàn Tài, Đấu trường tán học, .....

**2.6. Kết quả điểm kiểm tra định kỳ cuối năm và trung bình chung các môn**, đối sánh với các trường khác trong thành phố.

Tổ đảm bảo chất lượng đánh giá kết quả học tập của học sinh toàn trường theo từng kì và đối sánh với kết quả kì trước đảm bảo thực chất, chính xác thông qua các đề thi trong ma trận đề thi các môn, các khối quy định bao gồm:

a) Kết quả xếp loại học lực (theo quy định): Tỉ lệ xếp loại hoàn thành xuất sắc, loại hoàn thành tốt, hoàn thành, chưa hoàn thành.

b) Kết quả xếp loại hạnh kiểm (theo quy định): Năng lực, phẩm chất.

c) Tỉ lệ học sinh lên lớp hàng năm, bỏ học, lưu ban.

d) Kết quả kỳ thi học sinh giỏi các cấp, các hội thi, các sân chơi trí tuệ,…

e) Kết quả HTCTTH và học sinh chuyển cấp vào Trường THCS Nghi Kim, Trường THCS Đặng Thai Mai*. ( Phụ lục 5)*

**3. Đảm bảo lợi ích của xã hội**

Lợi ích của xã hội, được đánh giá thể hiện qua các nội dung sau:

**3.1. Khảo sát mức độ hài lòng của CMHS về quá trình dạy học, giáo dục của nhà trường**

Trong các kì họp CMHS toàn trường, nhà trường thực hiện dùng phiếu khảo sát mức độ hài lòng của CMHS về quá trình dạy học, giáo dục của GV chủ nhiệm và các GV bộ môn theo ba mức: chưa hài lòng; hài lòng; hài lòng cao *( Phụ lục 6).* Đây là kênh thông tin tham khảo quan trọng để nhà trường có biện pháp phát huy mặt tốt cũng như hạn chế mặt yếu, điều chỉnh, cải tiến kịp thời trong thời gian tới.

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của CMHS chỉ có tính chất tham khảo, không lấy kết quả này để xếp loại GV.

Có bảng tổng hợp kết quả khảo sát cho từng khối lớp học.

**3.2. Khảo sát mức độ hài lòng của GV tiếp nhận học sinh tiếp tục học lên ở lớp sau**

Vào đầu năm học, Trường thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của GV chủ nhiệm và các GV bộ môn về chất lượng học sinh của lớp theo ba mức độ: chưa hài lòng; hài lòng; hài lòng cao; hướng tới văn hóa chất lượng nhà trường và cũng là kênh tham khảo để đánh giá chất lượng dạy học của GV năm học trước *( Phụ lục 7).*

Việc khảo sát mức độ hài lòng của GV về chất lượng của học sinh *(khảo sát GV khối 2 về chất lượng học sinh khối 1, GV khối 3 đối với học sinh khối 2, GV khối 4 đối với học sinh khối 3, GV khối 5 đối với học sinh khối 4*) chỉ có tính chất tham khảo để Trường có sự chỉ đạo, điều chỉnh phù hợp đối với hoạt động dạy học, giáo dục của GV; kết quả khảo khát không thay thế việc đánh giá, xếp loại học sinh đã thực hiện ở năm học trước.

Có bảng tổng hợp kết quả khảo sát cho từng khối lớp học.

**3.3. Nhà trường chỉ đạo GV chú trọng trong các tiết học vận dụng kiến thức** vào cuộc sống, các hoạt động trải nghiệm, trải nghiệm sáng tạo, hoạt động hướng nghiệp, lớp bồi dưỡng kĩ năng mềm,....để học sinh sớm hình thành các năng lực: giao tiếp và hợp tác; tự học và tự chủ; giải quyết vấn đề và sáng tạo,… để đáp ứng yêu cầu công việc.

Ngoài các tiết học, Trường chú trọng phối hợp CMHS, các chuyên gia, người có uy tín, vv tổ chức các hoạt động chuyên đề, ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm,…để qua đó hình thành các năng lực chung cho học sinh.

Tổ chức khảo sát mức độ hình thành các năng lực nói trên theo từng khối lớp; có bảng kết quả cụ thể.

**4. Tư vấn hướng nghiệp và hỗ trợ cho học sinh**

**4.1. Nhà trường tư vấn cho học sinh** xét tuyển (*hoặc thi tuyển*) vào trường THCS phù hợp với năng lực và điều kiện cụ thể của từng em, thông qua: hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt lớp, chào cờ đầu tuần,...

Thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục THCS, nhà trường tư vấn cho học sinh lớp 5 vào học trường THCS tại địa bàn để bảo đảm thuận lợi cho việc đi lại, học tập. Riêng đối với học sinh có năng lực, kết quả học tập tốt, nhà trường tư vấn cho các em dự tuyển vào các trường THCS trọng điểm, chất lượng cao trên địa bàn huyện, thành, thị để có môi trường học tập phù hợp, giúp các em phát huy tốt năng lực, sở trường cá nhân. Những em có năng khiếu nổi trội (*âm nhạc,múa,TDTT…),* Trường tư vấn, tạo điều kiện cho các em vào học trường năng khiếu (*Trường Múa, Trường Âm nhạc,TDTT vv).*

**4.2. Nhà trường tuyên truyền, thông báo tới học sinh về thông tin tuyển sinh** của các trường THCS trọng điểm, chất lượng cao, trường năng khiếu thông qua: chào cờ đầu tuần, sinh hoạt lớp, phát tờ rơi thông tin tuyển sinh,...

Nhà trường cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra của trường năng khiếu, trường THCS trọng điểm, chất lượng cao trên địa bàn để học sinh cân nhắc, lựa chọn; có định hướng phấn đấu để thực hiện mục tiêu đã lựa chọn.

**4.3.Nhà trường phối hợp với Tổ tuyển sinh** của trường năng khiếu, trường THCS trọng điểm, chất lượng cao tổ chức các chương trình tư vấn cho học sinh bằng nhiều hình thức phong phú, hấp dẫn như: ngày hội tư vấn tuyển sinh, cẩm nang tư vấn tuyển sinh,..vv.

Hoạt động tư vấn hướngnghiệp và hỗ trợ học sinh nên tổ chức trong cả năm học (*để học sinh có thông tin, có định hướng*) nhưng cần tập trung vào tháng 4, tháng 5 để giúp học sinh có lựa chọn cụ thể.

**5. Thu thập thông tin phản hồi từ các trường THCS về học sinh sau khi hoàn thành Chương trình tiểu học**

- Nhà trường phối hợp với trường THCS Nghi Kim và một số trường trọng điểm có HS theo học để nắm bắt tình hình học sinh, những phản hồi tích cực cũng như tiêu cực về học sinh của trường mình để có hướng phát huy cũng như khắc phục cho phù hợp.

- Thường xuyên nắm bắt thông tin 2 chiều để đưa ra các giải pháp hữu hiệu nhằm đưa chất lượng hiệu quả giáo dục ngày một nâng cao.

**5.1. Nhà trường thống kê số lượng học sinh sau khi hoàn thành Chương trình tiểu học vào học các trường THCS trên địa bàn, trường năng khiếu (***nếu có***)**

Trường tổ chức thống kê, tổng hợp số lượng học sinh sau khi hoàn thành Chương trình tiểu học vào học các trường THCS trên địa bàn, trường năng khiếu nghệ thuật *(nếu có),* thông qua việc điều tra phổ cập tận hộ gia đình, qua GV chủ nhiệm, qua các kênh thông tin khác, vv.

Thu thập số liệu, đối chứng và so sánh để xá định hướng đi cho đối tượng học sinh năng khiếu cho các năm học sau. Là cơ sở tiền đề là động lực thúc đẩy hoạt động giáo dục toàn diện trong nhà trường.

**5.2. Tổ chức thu thập thông tin về chất lượng học sinh sau khi vào học các trường THCS trên địa bàn, trường năng khiếu *(****nếu có****)***

Trường chủ động phối hợp với các trường THCS có học sinh trường mình vào học để thu thập thông tin về chất lượng học sinh để có cơ sở điều chỉnh kế hoạch, biện pháp chỉ đạo các hoạt động chung của nhà trường cũng như hoạt động dạy học cho những năm tiếp theo.

Việc nắm thông tin có thể qua các hình thức: phỏng vấn trực tiếp, lấy ý kiến đánh giá qua phiếu,..vv đối với cán bộ quản lý, GV bộ môn, Tổng phụ trách Đội các trường THCS về phẩm chất, năng lực, những điểm mạnh nổi bật, những tồn tại, hạn chế,vv. Cần phân tích khả năng đáp ứng của học sinh sau khi hoàn thành CT tiểu học vào THCS ở một số môn học cụ thể (*môn tiếng Việt- Ngữ Văn, môn Toán, môn Tiếng Anh, môn Tin học....).*

Việc thu thập thông tin phản hồi từ các trường THCS về sau khi hoàn thành Chương trình tiểu học nên cố gắng hoàn thành trong tháng 9, tháng 10 hàng năm để Trường kịp điều chỉnh kế hoạch, biện pháp chỉ đạo (*nếu cần thiết*).

**5.3** **Thu thập thông tin từ cán bộ quản lý, các giáo viên, nhân viên trong nhà trường.**

Sau mỗi học kỳ, hiệu trưởng thu thập thông tin từ cán bộ quản lý, các giáo viên, nhân viên trong nhà trường về Bộ tiêu chí đánh giá chương trình giáo dục nhà trường và báo cáo về PGD&ĐT (*phụ lục 8)*

Kết thúc năm học, Ban giám hiệu nhà trường nộp phiếu đánh giá về PGD &ĐT để xem xét, đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí (*phụ lục 9).*

**VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí phục vụ nhiệm vụ ĐBCL cần được xây dựng, dự toán cụ thể để thực hiện hiệu quả Kế hoạch ĐBCL trong năm học của Trường, bao gồm:

**1. Kinh phí phục vụ các nhiệm vụ Kế hoạch ĐBCL của trường**, được hiểu là tổng kinh phí chi cho tất cả các hoạt động của nhà trường trong năm học:

- Kinh phí chi cho con người (*lương, các khoản phụ cấp,...);*

- Kinh phí bổ sung, sửa chữa, mua sắm CSVC, trang thiết bị phục vụ các hoạt động của nhà trường;

- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng,.. cho CBQL,GV, NV;

- Kinh phí phục vụ các hoạt động chuyên môn dạy và học, hoạt động giáo dục;

- Kinh phí hành chính của nhà trường;

- Kinh phí thi đua, khen thưởng;

- Kinh phí dự phòng khác.

**2. Kinh phí hỗ trợ hoạt động của Tổ ĐBCL**

Tổ ĐBCL lập dự toán kinh phí trình Hiệu trưởng phê duyệt để thực hiện hiệu quả kế hoạch ĐBCL nhà trường ( *Phụ lục 11).*

**VII . TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Hiệu trưởng**

Chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các bộ phận, thành viên trong trường, quản trị các hoạt động, đảm bảo các điều kiện để thực hiện thành công kế hoạch ĐBCL năm học, thực hiện đúng cam kết ĐBCL với Trưởng phòng GD&ĐT.

**2. Phó Hiệu trưởng**

Tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, công việc được Hiệu trưởng phân công, góp phần thực hiện thành công Kế hoạch ĐBCL năm học của Trường.

**3. Tổ chuyên môn**

Tổ chức, hướng dẫn các thành viên thực hiện tốt các nhiệm vụ ĐBCL được giao của Tổ, thực hiện tốt các mục tiêu ĐBCL của nhà trường, hỗ trợ GV thực hiện đúng cam kết ĐBCL đã ký với Hiệu trưởng.

**4. Tổng phụ trách Đội**

Tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ ĐBCL thuộc trách nhiệm của Liên đội, góp phần thực hiện thành công Kế hoạch ĐBCL nhà trường.

**5. Giáo viên**

Chủ động, sáng tạo thực hiện nhiệm vụ ĐBCL của môn, lớp phụ trách; thực hiện đúng cam kết ĐBCL đã ký với Hiệu trưởng.

**6. Nhân viên**

Hoàn thành nhiệm vụ được phân công trong Kế hoạch ĐBCL năm học của Trường; đảm bảo các điều kiện để thực hiện hiệu quả các mục tiêu ĐBCL.

**7. Các thành viên Tổ đảm bảo chất lượng**

Thực hiện tốt các nhiệm vụ được Tổ trưởng phân công, phối hợp chặt chẽ với các thành viên khác trong tổ và các tổ chức, cá nhân trong trường để thực hiện hiệu quả Kế hoạch ĐBCL năm học của Trường.

Phân công thành viên nào về nhiệm vụ giám sát theo dõi việc thực hiện Kế hoạch ĐBCL. Phân công thành viên nào về nhiệm vụ tư vấn cho Hiệu trưởng các biện pháp, giải pháp điều chỉnh quản lý quá trình để nhằm thực hiện kế hoạch ĐBCL, bảo đảm yêu cầu Chuẩn đầu ra.

*Nghi Kim, ngày 10 tháng 10 năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:**  *- Phòng GD&ĐT (để b/c)*  *- Đảng ủy, UBND xã (chỉ đạo);*  *- Ban đại diện CMHS(phối hợp);*  *- Công đoàn trường;*  *- Tổ trưởng chuyên môn; GV (t/h)*  *- Lưu: hồ sơ, VT./.* | **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký tên, đóng dấu)*  **Nguyễn Huy Hoa** |

**PHÊ DUYỆT CỦA TRƯỞNG PHÒNG GD&ĐT**

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... .....................................................................................................................................